Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
Phòng Thanh tra, khảo thí & ĐBCL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN: HỌC PHẦN: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ THI CÔNG-XD3504

Lần thi:1 Học kỳ 2 Năm học 2017-2018 - Nhịp 4

Túi thi: 1

TT	*Mã SV*	*Họ và tên*	*Ngày sinh*	*Lớp*	*Điểm*		*TBCMH*		*Điểm chữ*	*Ghi chú*
					QT	*Thi*	*Số*	*Chữ*		
1	1453010083	Nguyễn Trí Thiện	15/06/1996	2014KX1	10	7.0	7.6	Bẩy, sáu	B	
2	1453010089	Phạm Bá Tiến	10/03/1995	2014KX1	7	8.0	7.8	Bẩy, tám	B	
3	1351030357	Vũ Văn Tú	15/11/1994	2013X5	7.5	8.5	8.3	Tám, ba	B	
4	1451030320	Nguyễn Bảo Trung	03/02/1996	2016X4	5	3.0	3.4	Ba, bốn	F	
5	1451030314	Cấn Xuân Trường	06/09/1996	2014X1	3	0.0	0.6	Không, sáu	F	
6	1451030315	Trần Trung Trường	01/12/1996	2014X3	3	0.0	0.6	Không, sáu	F	
7	1451030316	Trần Văn Trường	14/01/1996	2014X4	8	8.0	8.0	Tám, không	B	
8	1451070049	Hoàng Vũ Quốc Việt	27/11/1994	2016XN	10	8.5	8.8	Tám, tám	A	
9	1451030007	Nguyễn Ngọc Anh	12/09/1995	2017X1	0	0.0	0.0	Không, không	F	K
10	1351030415	Bùi Đỗ Tiến Bình	12/09/1995	2013X7	6	5.5	5.6	Năm, sáu	C	
11	1351030020	Đào Thanh Bình	01/08/1995	2013X4	8	7.0	7.2	Bẩy, hai	B	
12	1451030066	Lê Văn Dũng	25/02/1995	2016X1	10	7.0	7.6	Bẩy, sáu	B	
13	1453010024	Hoàng Duy Đạt	14/10/1996	2014KX2	3	5.0	4.6	Bốn, sáu	D	
14	1351030080	Phạm Trường Giang	27/09/1995	2013X8	3	5.0	4.6	Bốn, sáu	D	
15	1351030096	Đoàn Trường Hải	09/01/1995	2013X8	0	0.0	0.0	Không, không	F	K
16	1453010034	Đỗ Thái Hoàng	08/12/1994	2014KX2	4	7.0	6.4	Sáu, bốn	C	
17	1251030165	Đinh Công Huy	22/10/1994	2012X4	0	5.0	0.0	Không, không	F	K
18	1251030166	Vũ Mạnh Huy	05/11/1994	2012X4	7	7.0	7.0	Bẩy, không	B	
19	1453010102	Đoàn Việt Hùng	08/02/1996	2014KX2	4	7.0	6.4	Sáu, bốn	C	
20	1453010040	Nguyễn Viết Hùng	28/05/1996	2014KX2	8.5	7.0	7.3	Bẩy, ba	B	
21	1351030152	Trần Minh Khánh	14/08/1995	2013X8	7	0.0	1.4	Một, bốn	F	
22	1453010054	Lê Khánh Diệu Linh	30/08/1995	2014KX2	8	7.0	7.2	Bẩy, hai	B	
23	1451030213	Nguyễn Văn Mậu	09/02/1996	2014X7	8.5	8.5	8.5	Tám, năm	A	
24	1451030221	Phan Hoàng Nam	27/10/1995	2014X8	3	0.0	0.6	Không, sáu	F	
25	1451030222	Phan Lê Hoài Nam	21/02/1996	2016X1	3	0.0	0.6	Không, sáu	F	
26	1451070029	Nguyễn Văn Phấn	26/03/1986	2014XN	4	5.0	4.8	Bốn, tám	D	
27	1351030235	Nguyễn Mạnh Phi	28/10/1994	2013X3	5	6.0	5.8	Năm, tám	C	

Ghi chú: F (0.0-3.9); D (4.0-5.4); C (5.5-6.9); B(7.0-8.4); A (8.5-10)

Hà Nội , ngày 22 tháng 8 năm 2018

Phòng Thanh tra, khảo thí & ĐBCL
Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

CÁN BỘ CHẤM THI 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2
(Ký, ghi rõ họ tên)